

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ ĐIỆN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ ĐIỆN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRICAL EQUIPMENT REPAIR AND INSTALLATION CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ELECTRICAL ERAIC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107282170

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 8, Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985.153.215

Fax:

Email: tuannxmba@yahoo.com.vn

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                          | 2710     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;<br>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;<br>- Sản xuất chuông điện;<br>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;<br>- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); | 2790     |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                            | 2592     |
| 4.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Gồm có: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;                                                                                                                                                                                       | 5510     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3313     |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt                                                                                                                                              | 3314     |
| 7.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100     |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chỉ gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê;        | 4290        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chỉ gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh,                                  | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chỉ gồm có: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà;           | 4390(Chính) |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); | 4659        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;                                                                                                                                          | 8299        |
| 23. | Đại lý du lịch<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;                                                                                                                                                                                   | 7911        |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                             | 7912        |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                      | 7920        |

|     |                                                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 26. | (Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật). | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG THỊ LÝ     | Thôn Thái Bình, Xã Vạn Thái, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 95.000     | 950.000.000           | 50,000    | 112069603                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 95.000     | 950.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGHIÊM VĂN TUÂN  | Thôn Thái Bình, Xã Vạn Thái, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 66.500     | 665.000.000           | 35,000    | 112069805                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 66.500     | 665.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THỂ   | Số nhà 261, tập thể Nhà Máy điện Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 19.000     | 190.000.000           | 10,000    | 011850683                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 19.000     | 190.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN QUANG HUY | Thôn Thái Bình, Xã Vạn Thái, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 9.500      | 95.000.000            | 5,000     | 111362426                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 9.500      | 95.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HOÀNG THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 04/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112069603

Ngày cấp: 18/10/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Thái Bình, Xã Vạn Thái, Huyện ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ 8, Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội